

Số: 1651/QĐ-UBND

Khánh Sơn, ngày 27 tháng 11 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp**  
**Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008**

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN KHÁNH SƠN**

*Căn cứ Luật tổ chức Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 ;*

*Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư 26/2014/TT-BKHCN ngày 10/10/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ về Quy định chi tiết thi hành Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính Nhà nước;*

*Căn cứ Quyết định số 2238/QĐ-TĐC ngày 25/7/2013 của Tổng Cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng về việc cấp giấy chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 đối với các cơ quan hành chính nhà nước;*

*Xét đề nghị của Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Khánh Sơn tại Tờ trình số 650/TTr-KTHT ngày 26/11/2020.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại Ủy ban nhân dân huyện Khánh Sơn phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 đối với các lĩnh vực hoạt động trong Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký và thay thế các quyết định liên quan đã ban hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện và toàn thể cán bộ, công chức, người lao động trong UBND huyện và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận: (VBĐT)

- Như điều 3;
- Sở KH&CN (để báo cáo);
- Lưu: VT, KTHT



**Nguyễn Văn Nhuận**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BẢN CÔNG BỐ**  
**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN KHÁNH SƠN**

**Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại Ủy ban nhân dân huyện Khánh Sơn phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 đối với các lĩnh vực hoạt động của Ủy ban nhân dân huyện**  
*(Theo phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 1651/QĐ-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2020 của UBND huyện Khánh Sơn)*

**Bản công bố này có hiệu lực kể từ ngày ban hành**

*Khánh Sơn, ngày 27 tháng 11 năm 2020*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Nhuận**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN KHÁNH SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHỤ LỤC**

**Các lĩnh vực hoạt động của UBND huyện Khánh Sơn  
được công bố phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1480/QĐ-UBND  
ngày 22/3/2019 của UBND huyện Khánh Sơn)**

| TT        | Tên Thủ tục hành chính áp dụng<br>Hệ thống quản lý chất lượng  | Số, ngày Quyết định ban hành danh mục TTHC của UBND tỉnh          | Số, ngày Quyết định ban hành nội dung TTHC của Bộ, ngành/ Quyết định ban hành quy trình nội bộ của UBND tỉnh   | Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC |
|-----------|--|---|--|---|
| <b>I</b>  | <b>LĨNH VỰC QUẢN LÝ LAO ĐỘNG NGOÀI NƯỚC</b>  |   |  |   |
| 1         | 1. Thủ tục hỗ trợ cho người lao động thuộc đối tượng là người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, thân nhân người có công với cách mạng đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng | Quyết định số 1046/QĐ-UBND ngày 20/4/2018 của UBND tỉnh Khánh Hòa | Quyết định số 1480/QĐ-LĐTBXH ngày 22/3/2019 của Bộ trưởng Bộ LĐ-TB&XH về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ LĐ-TB&XH |   |
| <b>II</b> | <b>LĨNH VỰC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP</b>   |   |  |   |
| 2         | 1. Thủ tục thành lập hội đồng Trường trung cấp công  | Quyết định số   | Quyết định số  |   |





|    |   |  |   |  |  |   |  |  |  |
|----|---|--|---|--|--|---|--|--|--|
|    |   |  | quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. |  |  |   |  |  |  |
| 10 | 2. Thủ tục Đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài Công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội  |  |   | Quyết định 382/QĐ-UBND ngày 01/02/2018 của UBND tỉnh Khánh Hòa | Quyết định số 1789/QĐ-BLĐTBXH ngày 13/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo trợ xã hội thuộc phạm vi chức | Quyết định 2193/QĐ-UBND ngày 01/7/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa |  |  |  |
| 11 | 3. Thủ tục giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài Công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội   |  |   |  |  |   |  |  |  |
| 12 | 4. Thủ tục cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp.  |  |   |  |  |   |  |  |  |
| 13 | 5. Thủ tục tiếp nhận đối tượng Bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện.   |  |   |  |  |   |  |  |  |
| 14 | 6. Thủ tục tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện  |  |   |  |  |   |  |  |  |
| 15 | 7. Thủ tục Đăng ký thay đổi nội dung hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài Công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội |  |   |  |  |   |  |  |  |
| 16 | 8. Thủ tục cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền cấp phép của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội   |  |   |  |  |   |  |  |  |
| 17 | 9. Thủ tục thực hiện, điều chỉnh, thời hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng   |  |   |  |  |   |  |  |  |
| 18 | 10. Thủ tục thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh  |  |   |  |  |   |  |  |  |

|    |  |   |   |  |
|----|--|---|---|--|
| 19 | 11. Thủ tục thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng khi đổi tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh |   | năng quản lý nhà nước của BLĐTB&XH  |  |
| 20 | 12. Thủ tục hỗ trợ kinh phí nhận nuôi, chăm sóc đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp  | Quyết định số 2127/QĐ-UBND ngày 26/7/2018 của UBND tỉnh Khánh Hòa | - Quyết định số 1938/QĐ-LĐTBXH ngày 31/12/2015 của Bộ trưởng BLĐTB&XH về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của BLĐTB&XH  |  |
| 21 | 13. Thủ tục hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội được trợ giúp xã hội thường xuyên tại công đồng                     |   |   |  |
| V  | <b>LĨNH VỰC LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG</b>   |   |   |  |
| 22 | 1. Thủ tục Gửi thang lương, bảng lương, định mức lao động của doanh nghiệp   | Quyết định số 1831/QĐ-UBND ngày 12/6/2019 của UBND tỉnh Khánh Hòa | Quyết định số 636/QĐ-LĐTBXH ngày 05/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc công bố các thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ của lĩnh vực lao động, tiền lương thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội |  |

|    |  |  |  |   |
|----|--|--|--|---|
| 23 | 2. Giải quyết tranh chấp lao động tập thể về quyền   | Quyết định số 1606/QĐ-UBND ngày 06/06/2018 của UBND tỉnh Khánh Hòa | Quyết định số 1858/QĐ-LĐTBXH ngày 21/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc công bố các thủ tục hành chính lĩnh vực lao động, tiền lương, quan hệ lao động thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội | Quyết định số 2342/QĐ-UBND ngày 17/07/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh |
| 24 | 3. Hỗ trợ người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động hoặc nghỉ việc không hưởng lương do đại dịch COVID-19          | Quyết định số 1229/QĐ-UBND ngày 27/5/2020 của UBND tỉnh Khánh Hòa  | Quyết định số 480/QĐ-LĐTBXH ngày 29/4/2020 của Bộ trưởng, Bộ LĐTB&XH về việc công bố các thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ LĐTB&XH về thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch COVID-19        |   |
| 25 | 4. Hỗ trợ người sử dụng lao động vay vốn để trả lương ngưng việc đối với người lao động phải ngưng việc do đại dịch COVID-19 |  |  |   |
| VI | <b>LĨNH VỰC VIỆC LÀM</b>   |  |  |   |



|            |   |   |  |  |
|------------|---|---|--|--|
| 26         | 1. Hỗ trợ hộ kinh doanh phải tạm ngừng kinh doanh do đại dịch COVID-19  |   | Quyết định số 480/QĐ-LĐTBXH ngày 29/4/2020 của Bộ trưởng   |  |
| 27         | 2. Hỗ trợ người lao động bị chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc do đại dịch COVID-19 nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp | Quyết định số 1229/QĐ-UBND ngày 27/5/2020 của UBND tỉnh Khánh Hòa | BLĐTB&XH về việc công bố các thủ tục hành mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của  |  |
| 28         | 3. Hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động bị mất việc làm do đại dịch COVID-19   |   | BLĐTB&XH về thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch COVID-19  |  |
| <b>VII</b> | <b>LĨNH VỰC BẢO VỆ CHĂM SÓC TRẺ EM</b>  |   |  |  |
| 29         | 1. Thủ tục chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em   | Quyết định 1066/QĐ-UBND ngày 20/4/2018 của UBND tỉnh Khánh Hòa    | Quyết định số 847/QĐ-BLĐTBXH ngày 09/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực trẻ em thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội |  |
| 30         | 2. Thủ tục áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp   | Quyết định số   | Quyết định số  |  |

|                                    |   |   |  |  |
|------------------------------------|---|---|--|--|
|                                    | hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em                                  | 2127/QĐ-UBND ngày 26/7/2018 của UBND tỉnh Khánh Hòa               | 847/QĐ-BLĐT&XH ngày 09/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực trẻ em thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của BLĐT&XH                         |  |
| <b>VIII LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG</b> |   |   |  |  |
| 31                                 | 1. Thủ tục cấp giấy giới thiệu đi thăm viếng mộ liệt sĩ và hỗ trợ thăm viếng mộ liệt sĩ                         | Quyết định số 2127/QĐ-UBND ngày 26/7/2018 của UBND tỉnh Khánh Hòa | Quyết định số 1734/QĐ-LĐT&XH ngày 25/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực người có công thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Lao động - Thương binh và XH |  |
| 32                                 | 2. Thủ tục hỗ trợ người có công đi làm phương tiện, dụng cụ trợ giúp chính hình, đi điều trị phục hồi chức năng | Quyết định số 2127/QĐ-UBND ngày 26/7/2018 của UBND tỉnh Khánh Hòa | Quyết định số 574/QĐ-LĐT&XH ngày 21/5/2020 của Bộ trưởng Bộ LĐTB&XH về việc  |  |
| 33                                 | 3. Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Cam-pu-chia    | Quyết định số 1298/QĐ-UBND ngày 05/6/2020 của UBND tỉnh Khánh Hòa | Quyết định số 574/QĐ-LĐT&XH ngày 21/5/2020 của Bộ trưởng Bộ LĐTB&XH về việc  |  |

|  |   |  |  |  |   |
|--|---|--|--|--|---|
|  |   |  |  | công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ lĩnh vực người có chức thuộc phạm vi chức năng quản lý của BLD-TB&XH |   |
| <b>LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THUỘC HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN</b> |   |  |  |  |   |
| <b>IX</b>  |   |  |  | Quyết định số 1713/QĐ-UBND ngày 18/6/2018 của UBND tỉnh Khánh Hòa  | Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục |
| 34   | 1. Thủ tục Cho phép trường phổ thông dân tộc bán trú hoạt động giáo dục   |  |  |  |   |
| 35   | 2. Thủ tục Chuyển đổi trường phổ thông dân tộc bán trú  |  |  |  |   |
| 36   | 3. Thủ tục Thành lập lớp năng khiếu thể dục thể thao thuộc trường tiểu học, trường THCS                           |  |  |  |   |
| 37   | 4. Thủ tục Giải thể trường mầm non, trường mầm non, nhà trẻ (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập) |  |  |  |   |
| 38   | 5. Thủ tục Cấp giấy phép, gia hạn giấy phép tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm đối với cấp THCS                 |  |  |  | Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16/5/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về dạy thêm học thêm.            |
| 39   | 6. Thủ tục Công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ  |  |  |  | Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo  |

|    |   |  |   |  |
|----|---|--|---|--|
|    |   |  | <p>tạo quy định về Điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ</p>  |  |
| 40 | <p>7. Thủ tục Quy trình đánh giá, xếp loại “Công đồng học tập” cấp xã</p>                         |  | <p>Thông tư số 44/2014/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về đánh giá, xếp loại “Công đồng học tập” cấp xã.</p>   |  |
| 41 | <p>8. Thủ tục Công nhận trường tiểu học đạt mức chất lượng tối thiểu</p>                          |  | <p>Thông tư số 59/2012/TT-BGDĐT ngày 28/12/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định tiêu chuẩn đánh giá, công nhận Trường tiểu học đạt mức chất lượng tối thiểu, trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia.</p> |  |
| 42 | <p>9. Thủ tục Chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non bán công sang cơ sở giáo dục mầm non công lập</p> |  | <p>Thông tư số 11/2009/TT-BGDĐT ngày 08/5/2009 quy định về trình tự, thủ tục chuyển đổi cơ sở</p>   |  |
| 43 | <p>10. Thủ tục Chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non bán công sang cơ sở giáo dục mầm non dân lập</p> |  |   |  |

|    |   |  |  |  |  |
|----|---|--|--|--|--|
|    |   |  | giáo dục mầm non, phổ thông bán công, dân lập sang cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông tư thực; cơ sở giáo dục mầm non bán công sang cơ sở giáo dục mầm non dân lập; cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông bán công sang cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập. |  |  |
| 44 | Thủ tục Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường tư thực hoạt động không vì lợi nhuận  |  |  | Quyết định số 2284/QĐ-BGDĐT ngày 10/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính mới được ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo |  |
| 45 | Thủ tục Chuyển đổi trường tiểu học tư thực, trường trung học cơ sở tư thực và trường phổ thông tư thực có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thực hoạt động không vì lợi nhuận | Quyết định số 2937/QĐ-UBND ngày 28/10/2020 |  |  |  |
| 46 | 11. Thủ tục Chuyển trường đổi với học sinh THCS   |  |  | Quyết định số 51/2002/QĐ-BGD&ĐT ngày 25  |  |
| 47 | 12. Thủ tục Chuyển chuyên đổi trường học bỏ túc THCS  |  |  |  |  |

|    |   |  |   |  |
|----|---|--|---|--|
|    |   |  | tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành “Quy định chuyên trường và tiếp nhận học sinh học tại các trường trung học cơ sở và trường học phổ thông”.  |  |
| 48 | 13. Thủ tục Chuyển trường đối với học sinh tiểu học   | Quyết định số 3104/QĐ-UBND ngày 18/11/2020 | Thông tư số 50/2012/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung Điều 40; bổ sung điều 40a của Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường Tiểu học |  |
| 49 | 14. Thủ tục Xét duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh bán trú đang học tại các trường tiểu học, trung học cơ sở ở xã, thôn đặc biệt khó khăn |  | Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo,  |  |
| 50 | 15. Thủ tục Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh THCS, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người                  |  |   |  |

|           |   |   |   |  |
|-----------|---|---|---|--|
|           |   |   | <p>học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người</p>  |  |
| <p>51</p> | <p>16. Thủ tục Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục</p> |   | <p>Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT- BLĐT BXH-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội-Bộ Tài chính-Bộ Giáo dục và Đào tạo : quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật</p>   |  |
| <p>52</p> | <p>Xét cấp học bổng chính sách</p>  | <p>Quyết định số 2938/QĐ-UBND ngày 28/10/2020</p> | <p>Quyết định số 2284/QĐ-BGDĐT ngày 10/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính mới được ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo</p> |  |

| LĨNH VỰC GIÁO DỤC MẦM NON |  |  |  |   |  |
|---------------------------|--|--|--|---|--|
| 53                        | 1. Thủ tục Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo  |  |  |   |  |
| 54                        | 2. Thủ tục trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp                          |  |  |   |  |
| 55                        | 3. Thủ tục hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục trên địa bàn có khu công nghiệp | Quyết định số 3084/QĐ-UBND ngày 13/11/2020 | Quyết định số 2984/QĐ-BGDĐT ngày 09/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo | Quyết định số 594/QĐ-UBND ngày 23/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa |  |
| 56                        | 18. Thủ tục thành lập trường trung học sở sở công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học sở sở tư thục                     |  |  |   |  |
| 57                        | 19. Thủ tục cho phép trường trung học cơ sở hoạt động giáo dục   |  |  |   |  |
| 58                        | 20. Thủ tục cho phép trường trung học cơ sở hoạt động trở lại  |  |  |   |  |
| 59                        | 21. Thủ tục sáp nhập, chia tách trường trung học cơ sở   |  |  |   |  |
| 60                        | 22. Thủ tục giải thể trường trung học cơ sở (theo đề nghị của các nhân, tổ chức thành lập trường)                                |  |  |   |  |
| 61                        | 23. Thủ tục thành lập trường phổ thông dân tộc bán trú   |  |  |   |  |
| 62                        | 24. Thủ tục sáp nhập, chia tách trường phổ thông dân tộc bán trú   |  |  |   |  |
| 63                        | 25. Thủ tục thành lập trường tiểu học công lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học tư thục                                   |  |  |   |  |
| 64                        | 26. Thủ tục cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục  |  |  |   |  |
| 65                        | 27. Thủ tục cho phép trường tiểu học giáo dục trở lại  |  |  |   |  |
| 66                        | 28. Thủ tục sáp nhập, chia tách trường tiểu học  |  |  |   |  |



|          |  |                            |                              |   |
|----------|--|----------------------------|------------------------------|---|
| 67       | 29. Thủ tục giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)  |                            |                              |   |
| 68       | 30. Thủ tục thành lập trung tâm học tập cộng đồng  |                            |                              |   |
| 69       | 31. Thủ tục cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại   |                            |                              |   |
| 70       | 32. Thủ tục cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học cơ ở hoạt động giáo dục                                   |                            |                              |   |
| 71       | 33. Thủ tục thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ công lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ tư thực |                            |                              |   |
| 72       | 34. Thủ tục cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ công lập hoạt động giáo dục  |                            |                              |   |
| 73       | 35. Thủ tục cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ công lập hoạt động giáo dục trở lại  |                            |                              |   |
| 74       | 36. Thủ tục sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ  |                            |                              |   |
| 75       | 37. Thủ tục đề nghị miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh, sinh viên  |                            |                              | Quyết định số 4863/QĐ-BCDDT ngày 09/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo |
| <b>X</b> | <b>LĨNH VỰC QUY CHẾ THI, XÉT TUYỂN</b>   |                            |                              |   |
| 76       | 1. Thủ tục Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú   | Quyết định số 1713/QĐ-UBND | Thông tư số 01/2016/TT-BGDĐT |   |

|            |  |   |  |   |
|------------|--|---|--|---|
|            |  | ngày 18/6/2018 của UBND tỉnh Khánh Hòa                            | ngày 15/01/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc nội trú  |   |
| <b>XI</b>  | <b>LĨNH VỰC HỆ THỐNG VĂN BẢN, CHỨNG CHỈ</b>  |   |  |   |
| 77         | 19. Thủ tục Cấp bản sao văn bản, chứng chỉ từ số góc   | Quyết định số 840/QĐ-UBND ngày 14/4/2020 của UBND tỉnh Khánh Hòa  | Thông tư 19/2015/TT-BGDĐT ngày 08/9/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế quản lý bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, văn bằng giáo dục đại học và chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân | Quyết định 1975/QĐ-UBND ngày 04/8/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa |
| 78         | 20. Thủ tục Chính sửa nội dung văn bản, chứng chỉ  |   |  |   |
| <b>XII</b> | <b>LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỢP TÁC XÃ</b>  |   |  |   |
| 79         | 1. Thủ tục đăng ký thành lập hợp tác xã  | Quyết định số 2328/QĐ-UBND ngày 15/7/2019 của UBND tỉnh Khánh Hòa | Quyết định số 654/QĐ-BKHĐT ngày 08/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư  | Quyết định 901/QĐ-UBND ngày 21/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa  |
| 80         | 2. Thủ tục đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã                 |   |  |   |
| 81         | 3. Thủ tục đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã  |   |  |   |
| 82         | 4. Thủ tục đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã |   |  |   |
| 83         | 5. Thủ tục đăng ký khi hợp tác xã chia   |   |  |   |

|             |   |   |   |  |
|-------------|---|---|---|--|
| 84          | 6. Thủ tục đăng ký khi hợp tác xã tách  |   |   |  |
| 85          | 7. Thủ tục đăng ký khi hợp tác xã hợp nhất  |   |   |  |
| 86          | 8. Thủ tục đăng ký khi hợp tác xã sáp nhập  |   |   |  |
| 87          | 9. Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã (khi bị mất hoặc bị hư hỏng) |   |   |  |
| 88          | 10. Thủ tục giải thể tự nguyện hợp tác xã   |   |   |  |
| 89          | 11. Thủ tục thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã  |   |   |  |
| 90          | 12. Thủ tục thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã   |   |   |  |
| 91          | 13. Thủ tục tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã   |   |   |  |
| 92          | 14. Thủ tục chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã  |   |   |  |
| 93          | 15. Thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi đổi từ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sang Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã)                                |   |   |  |
| 94          | 16. Thủ tục thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã   |   |   |  |
| <b>XIII</b> | <b>LĨNH VỰC QUẢN LÝ CÔNG SẢN</b>  |   |   |  |
| 95          | 1. Thủ tục thanh toán chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản công  | Quyết định số 1393/QĐ-UBND ngày 26/5/2018 của UBND tỉnh Khánh Hòa | Quyết định số 209/QĐ-BTC ngày 13/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực quản lý |  |
| 96          | 2. Thủ tục mua quyền hóa đơn  |   |   |  |
| 97          | 3. Thủ tục mua hóa đơn lẻ   |   |   |  |

|            |   |   |   |  |
|------------|---|---|---|--|
| 98         | 4. Thủ tục Quyết định thu thuế tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan tổ chức, đơn vị  |   |   |  |
| 99         | 5. Thủ tục Quyết định thu hồi tài sản công trong trường hợp cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản công tự nguyện trả lại tài sản cho Nhà nước                           |   |   |  |
| 100        | 6. Thủ tục Quyết định thu hồi tài sản công trong trường hợp thu hồi tài sản công theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e Khoản 1 Điều 41 của Luật quản lý, sử dụng tài sản công | Quyết định số 1031/QĐ-UBND ngày 10/4/2019 của UBND tỉnh Khánh Hòa | Quyết định số 209/QĐ-BTC ngày 13/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính | Quyết định số 1032/QĐ-UBND ngày 10/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh       |
| 101        | 7. Thủ tục Quyết định điều chuyển tài sản công  |   |   |  |
| 102        | 8. Thủ tục Quyết định bán tài sản công  |   |   |  |
| 103        | 9. Thủ tục Quyết định bán tài sản công cho người duy nhất theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ                                    |   |   |  |
| 104        | 10. Thủ tục Quyết định hủy bỏ quyết định bán đấu giá tài sản công   |   |   |  |
| 105        | 11. Thủ tục Quyết định thanh lý tài sản công  |   |   |  |
| <b>XIV</b> | <b>LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG HỘ KINH DOANH</b>  |   |   |  |
| 106        | 1. Thủ tục đăng ký thành lập hộ kinh doanh  | Quyết định số 2108/QĐ-UBND ngày 24/6/2019 của UBND tỉnh Khánh Hòa | Quyết định số 245/QĐ-BKHĐT ngày 12/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư   | Quyết định 901/QĐ-UBND ngày 21/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa |
| 107        | 2. Thủ tục đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh  |   |   |  |
| 108        | 3. Thủ tục tạm ngừng hoạt động hộ kinh doanh  |   |   |  |
| 109        | 4. Thủ tục chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh   |   |   |  |
| 110        | 5. Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh  |   |   |  |
| <b>XV</b>  | <b>LĨNH VỰC TÀI CHÍNH NGÂN SÁCH</b>   |   |   |  |

|            |  |  |   |  |
|------------|--|--|---|--|
| 111        | 1. Thủ tục thẩm định và thông báo quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước theo niên độ ngân sách hàng năm của UBND cấp huyện, UBND cấp xã | Quyết định 1401/QĐ-UBND ngày 02/6/2015 của UBND tỉnh Khánh Hòa     | Thông tư số 210/2010/TT-BTC ngày 20/12/2010 của Bộ Tài chính Quy định việc quyết toán vốn đầu tư XDCB thuộc nguồn vốn NSNN theo niên độ ngân sách hàng năm.   |  |
| <b>XVI</b> | <b>LĨNH VỰC HỘ TỊCH</b>  |  |   |  |
| 112        | 1. Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài  | Quyết định số 2882/QĐ-UBND ngày 21/10/2019 của UBND tỉnh Khánh Hòa | Thông tư 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng BTP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch |  |
| 113        | 2. Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài  |  |   |  |
| 114        | 3. Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài  |  |   |  |
| 115        | 4. Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài  |  |   |  |
| 116        | 5. Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài  |  |   |  |
| 117        | 6. Thủ tục đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài  |  |   |  |
| 118        | 7. Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài   |  |   |  |
| 119        | 8. Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc  |  |   |  |
| 120        | 9. Thủ tục ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài   |  |   |  |
| 121        | 10. Thủ tục ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài                             |  |   |  |
| 122        | 11. Thủ tục ghi vào sổ hộ tịch khác công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước  |  |   |  |

|             |  |   |   |  |
|-------------|--|---|---|--|
|             | ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)   |   |   |  |
| 123         | 12. Thủ tục đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài   |   |   |  |
| 124         | 13. Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân  |   |   |  |
| 125         | 14. Thủ tục đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài   |   |   |  |
| 126         | 15. Thủ tục đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài   |   |   |  |
| 127         | 16. Thủ tục cấp bản sao trích lục hộ tịch  |   |   |  |
| <b>XVII</b> | <b>LĨNH VỰC CHỨNG THỰC</b>   |   |   |  |
| 128         | 1. Thủ tục Cấp bản sao từ số gốc   |   |   |  |
| 129         | 2. Thủ tục Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận   |   |   |  |
| 130         | 3. Thủ tục Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận |   |   |  |
| 131         | 4. Thủ tục Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điểm chỉ được)   |   |   |  |
| 132         | 5. Thủ tục Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch  |   |   |  |
| 133         | 6. Thủ tục Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch   |   |   |  |
| 134         | 7. Thủ tục Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực   |   |   |  |
| 135         | 8. Thủ tục Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp  |   |   |  |
|             |  | Quyết định số 1530/QĐ-UBND ngày 01/6/2018 của UBND tỉnh Khánh Hòa | Thông tư số 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015 của Bộ Tư pháp Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ số gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch |  |

|              |  |  |  |  |   |
|--------------|--|--|--|--|---|
| 136          | 9. Thủ tục Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp                                 |  |  |  |   |
| 137          | 10. Thủ tục Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản   |  |  |  |   |
| 138          | 11. Thủ tục Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản   |  |  |  |   |
| 139          | 12. Thủ tục Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản  |  |  |  |   |
| <b>XVIII</b> | <b>LĨNH VỰC HÒA GIẢI CƠ SỞ</b>   |  |  |  |   |
| 140          | 1. Thủ tục thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải | Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 04/10/2018 của UBND tỉnh Khánh Hòa | Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 27/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hòa giải cơ sở |  | Quyết định 147/QĐ-UBND ngày 20/01/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa |
| <b>XIX</b>   | <b>LĨNH VỰC BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC</b>  |  |  |  |   |
| 141          | 1. Thủ tục phục hồi danh dự  |  |  |  |   |
| 142          | 2. Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại                                    | Quyết định số 3271/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của UBND tỉnh Khánh Hòa | Thông tư số 04/2018/TT-BTP ngày 17/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành một số biểu mẫu trong công tác bồi thường            |  |   |
| <b>XX</b>    | <b>LĨNH VỰC PHÓ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT</b>   |  |  |  |   |

|   |   |   |  |  |
|---|---|---|--|--|
| 143   | 1. Thủ tục công nhân báo cáo viên pháp luật   | Quyết định số 315/QĐ-UBND ngày 26/01/2018 của UBND tỉnh Khánh Hòa | Quyết định số 40/QĐ-BTP ngày 08/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực phổ biến, giáo dục pháp luật thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp. |  |
| 144   | 2. Thủ tục miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật  |   |  |  |
| <b>LĨNH VỰC AN TOÀN VỆ SINH AN TOÀN THỰC PHẨM</b> |   |   |  |  |
| 145   | 1. Thủ tục cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện | Quyết định số 1946/QĐ-UBND ngày 17/6/2019 của UBND tỉnh Khánh Hòa | Quyết định số 135/QĐ-BYT ngày 15/01/2019 của Bộ Y tế về việc sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực an toàn thực phẩm và dinh dưỡng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế   | Quyết định số 2827/QĐ-UBND ngày 03/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa |
| <b>LĨNH VỰC HẠ TẦNG GIAO THÔNG</b>                |   |   |  |  |
| 146   | 1. Cấp phép thi công công trình trong phạm vi đất dành cho đường bộ của hệ thống đường đô thị thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện quản lý        | Quyết định số 566/QĐ-UBND ngày 28/2/2013 của UBND tỉnh            | Quyết định số 40/2012/QĐ-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2012 của UBND   |  |
| 147   | 2. Thủ tục cấp giấy phép thi công cải tạo vỉa hè đối với  |   |  |  |





|              |  |   |   |   |
|--------------|--|---|---|---|
|              | đường đô thị thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện quản lý  | Khánh Hòa   | tỉnh Khánh Hòa về việc ban hành Quy định việc cấp phép thi công công trình trong phạm vi đất dành cho đường bộ và đầu nối đường nhánh vào hệ thống đường tỉnh, đường đô thị, đường huyện, đường xã trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa          |   |
| 148          | 3. Thủ tục cấp giấy phép sử dụng tạm thời một phần hè phố, lòng đường để trồng, giữ xe có thu phí  | Quyết định số 660/QĐ-UBND tỉnh KHánh Hòa ban hành quy định thủ tục hành chính thực hiện sử dụng tạm thời một phần lòng đường, hè phố trong đô thị không vào mục đích giao thông trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa | Quyết định số 04/2015/QĐ-UBND ngày 30/3/2015 của UBND tỉnh KHánh Hòa ban hành quy định thủ tục hành chính thực hiện sử dụng tạm thời một phần lòng đường, hè phố trong đô thị không vào mục đích giao thông trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa | Quyết định số 660/QĐ-UBND ngày 25/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa |
| 149          | 4. Thủ tục cấp giấy phép sử dụng tạm thời một phần hè phố không vào mục đích giao thông để thực hiện: tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của nhà nước; làm điểm trồng, giữ xe phục vụ hoạt động văn hóa, thể thao, diễu hành, lễ hội; điểm trưng bày vật liệu, phế thải xây dựng để phục vụ thi công công trình của hộ gia đình | Quyết định số 660/QĐ-UBND ngày 25/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa   |   |   |
| 150          | 6. Cấp giấy phép sử dụng tạm thời một phần lòng đường không vào mục đích giao thông đối với: Điểm trồng, giữ xe ô tô phục vụ các hoạt động văn hóa, thể thao, diễu hành, lễ hội; điểm trưng bày rác thải sinh hoạt của doanh nghiệp vệ sinh môi trường đô thị  |   |   |   |
| <b>XXIII</b> | <b>LĨNH VỰC VĂN HÓA CƠ SỞ</b>  |   |   |   |
| 151          | 1. Thủ tục cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh karaoke   | Quyết định số 677/QĐ-UBND ngày 27/3/2020  | Quyết định số 4874/QĐ-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của   | Quyết định số 1290/QĐ-UBND ngày   |
| 152          | 2. Thủ tục cấp giấy phép điều chỉnh giấy phép đủ điều  |   |   |   |



|              |  |  |   |   |   |  |
|--------------|--|--|---|---|---|--|
| <b>XXV</b>   | <b>LĨNH VỰC GIA ĐÌNH</b>   |  |   |   | Quyết định số 4874/QĐ-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ VH,TT&DL về việc công bố TTHC chuẩn hóa năm 2019 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ VH,TT&DL | Quyết định số 1290/QĐ-UBND ngày 05/6/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa |
| 165          | 1. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình            | Quyết định số 677/QĐ-UBND ngày 27/3/2020 |   |   |   |  |
| 166          | 2. Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình        |  |   |   |   |  |
| 167          | 3. Thủ tục đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình            |  |   |   |   |  |
| 168          | 4. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng chống bạo lực gia đình      |  |   |   |   |  |
| 169          | 5. Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng chống bạo lực gia đình  |  |   |   |   |  |
| 170          | 6. Thủ tục đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng chống bạo lực gia đình      |  |   |   |   |  |
| <b>XXVI</b>  | <b>LĨNH VỰC XUẤT BẢN</b>   |  |   |   |   |  |
| 171          | 1. Thủ tục khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy  |  |   | Quyết định số 1874/QĐ-UBND ngày 29/6/2018 của UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực xuất bản, in và phát hành thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa |   | Quyết định 2858/QĐ-UBND ngày 06/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa    |
| 172          | 2. Thủ tục thay đổi thông tin khai báo dịch vụ photocopy   |  | Quyết định số 2392/QĐ-UBND ngày 23/7/2019 của UBND tỉnh Khánh Hòa |   |   |  |
| <b>XXVII</b> | <b>LĨNH VỰC PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH VÀ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ</b>  |  |   |   |   |  |
| 173          | 1. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng |  | Quyết định số 2392/QĐ-UBND  | Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày   |   | Quyết định 2858/QĐ-  |

|  |   |  |   |  |
|--|---|--|---|--|
| 174  | 2. Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng   | ngày 23/7/2019 của UBND tỉnh Khánh Hòa                             | 01/3/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng  | UBND ngày 06/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa |
| 175  | 3. Thủ tục gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng  |  |   |  |
| 176  | 4. Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng  |  |   |  |
| <b>XXVIII LĨNH VỰC QUY HOẠCH – KIẾN TRÚC</b> |   |  |   |  |
| 177  | 1. Thủ tục thẩm định quy hoạch chi tiết (theo Luật quy hoạch đô thị và Nghị định số 37/2010/NĐ-CP)  |  |   |  |
| 178  | 2. Thủ tục thẩm định quy hoạch chi tiết xây dựng khu chức năng đặc thù, điểm dân cư nông thôn (theo Luật Xây dựng và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP)                |  |   |  |
| 179  | 3. Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc quyền phê duyệt của UBND cấp huyện | Quyết định số 3988/QĐ-UBND ngày 27/12/2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa | Quyết định số 835/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực quy hoạch – kiến trúc thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng |  |

| <b>XXIX</b> | <b>LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG</b>  |  |  |  |
|-------------|---|--|--|--|
| 180         | 1. Thủ tục thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/ thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh (trường hợp thiết kế 1 bước)  |  | Quyết định số 838/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được thay thế; thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng |  |
| 181         | 2. Cấp giấy phép xây dựng (Giấy phép xây dựng mới, giấy phép sửa chữa, cải tạo, giấy phép di dời công trình) đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công hình thuộc thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng của cấp trung ương, cấp tỉnh | Quyết định số 3988/QĐ-UBND ngày 27/12/2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa |  |  |
| 182         | 3. Điều chỉnh, gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng của cấp trung ương, cấp tỉnh (Trường hợp điều chỉnh giấy phép xây dựng công trình)    |  |  |  |
| <b>XXX</b>  | <b>LĨNH VỰC HẠ TẦNG KỸ THUẬT</b>  |  |  |  |
| 183         | 1. Thủ tục cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh  | Quyết định số 3988/QĐ-UBND ngày 27/12/2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa | Quyết định số 834/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa; thủ tục hành  |  |

|              |  |  |  |   |  |
|--------------|--|--|--|---|--|
|              |  |  |  | chính được bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng |  |
| <b>XXXI</b>  | <b>LĨNH VỰC NHÀ Ở</b>  |  |  |   |  |
| 184          | 1. Thủ tục thuê nhà ở công vụ thuộc thẩm quyền quản lý của UBND cấp tỉnh | Quyết định số 3988/QĐ-UBND ngày 27/12/2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa | Quyết định số 837/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được thay thế, thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng |   |  |
| <b>XXXII</b> | <b>LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG</b>   |  |  |   |  |

|                                 |  |   |  |  |
|---------------------------------|--|---|--|--|
| 185                             | 1. Thủ tục đăng ký/ đăng ký xác nhận lại kế hoạch bảo vệ môi trường  | Quyết định số 2824/QĐ-UBND ngày 19/10/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa | Quyết định số 1756/QĐ-BTNMT ngày 11/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.  | Quyết định Số 2030/QĐ-UBND ngày 07/8/2020 Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa |
| <b>LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC</b> |  |   |  |  |
| 186                             | 1. Thủ tục đăng ký khai thác nước dưới đất   | Quyết định số 1195/QĐ-UBND ngày 26/5/2020 của UBND tỉnh Khánh Hòa           | Quyết định số 634/QĐ-BTNMT ngày 29/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên – Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chứng năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường |  |
| 187                             | 2. Thủ tục lấy ý kiến UBND cấp xã, cấp huyện đối với các dự án đầu tư có chuyên nước từ nguồn nước nội tỉnh                                  |   |  |  |
| <b>LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI</b>         |  |   |  |  |
| 188                             | 1. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu | Quyết định 1003/QĐ-UBND ngày 09/4/2019 của UBND tỉnh Khánh Hòa              | Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường  | Quyết định 1590/QĐ-UBND ngày 23/4/2019 của UBND tỉnh Khánh Hòa         |
| 189                             | 2. Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp   |   | Nghị   |  |

|     |   |   |   |
|-----|---|---|---|
|     |   |   | <p>định 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ</p> |
| 190 | <p>3. Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu</p>   | <p>Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường</p>  |   |
| 191 | <p>4. Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện đối với trường hợp Giấy chứng nhận do UBND cấp huyện cấp</p>   | <p>Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường</p> <p>Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường</p>     |   |
| 192 | <p>5. Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất</p> | <p>Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường</p> <p>(4) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường</p> |   |



|            |   |  |   |  |
|------------|---|--|---|--|
|            | <p>6. Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm</p>                |  | <p>nguyên và Môi trường<br/>Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường<br/>Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường</p> |  |
| <p>194</p> | <p>7. Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế đối với trường hợp xác nhận thay đổi trên Giấy chứng nhận đã cấp</p> |  | <p>Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường<br/>Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường</p>                          |  |

|      |  |  |   |  |
|------|--|--|---|--|
| 195  | 8. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận cho người trúng đấu giá quyền sử dụng đất trong trường hợp Nhà nước giao đất có thu tiền hoặc cho thuê đất  |  |   |  |
| 196  | 9. Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp huyện  |  | Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ                    |  |
| 197  | 10. Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hộ gia đình, cá nhân   | Quyết định 2154/QĐ-UBND ngày 18/8/2020 của UBND tỉnh | Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường |  |
| 198  | 11. Giao đất, cho thuê đất cho hộ gia đình, cá nhân; giao đất cho cộng đồng dân cư đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất (bao gồm thẩm định nhu cầu sử dụng đất) |  | Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường |  |
| 199  | 12. Thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư   |  |   |  |
| XXXV | <b>LĨNH VỰC KINH TẾ HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN</b>  |  |   |  |

|     |  |   |  |  |
|-----|--|---|--|--|
| 200 | 1. Thủ tục bố trí ổn định dân cư ngoài huyện, trong tỉnh |   | Quyết định số 3656/QĐ-BNN-KTHT ngày 06/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của BNN&PTNT lĩnh vực kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn        |  |
| 201 | 2. Thủ tục bố trí ổn định dân cư trong huyện             | Quyết định 2990/QĐ-UBND ngày 05/10/2018 của UBND tỉnh Khánh Hòa |  |  |
| 202 | 6. Thủ tục hỗ trợ dự án liên kết                         | Quyết định 340/QĐ-UBND ngày 30/01/2019 của UBND tỉnh Khánh Hòa  | Quyết định số 4660/QĐ- BNN-KTHT ngày 26/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thay thế, bị bãi bỏ trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc phạm vi chức năng |  |

|               |  |  |  |   |  |
|---------------|--|--|--|---|--|
|               |  |  |  | quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.                       |  |
| <b>XXXVI</b>  | <b>LĨNH VỰC AN TOÀN ĐẠP, HỒ CHỨA THỦY ĐIỆN</b>   |  |  |   |  |
| 203           | Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện                       | Quyết định số 1520/QĐ-UBND ngày 25/6/2020  | Quyết định số 01/QĐ-BCT ngày 08/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Công thương về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công thương                                   | Quyết định số 955/QĐ-UBND ngày 27/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa |  |
| 204           | Thẩm định phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện                               |  |  |   |  |
| <b>XXXVII</b> | <b>LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP</b>   |  |  |   |  |
| 205           | 1. Thủ tục phê duyệt, điều chỉnh thiết kế dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định đầu tư) | Quyết định số 532/QĐ-UBND ngày 16/3/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa | Quyết định số 4751/QĐ-BNN-TCLN ngày 11/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính thay thế thuộc phạm vi chức năng quản lý của BNN&PTNT |   |  |
| 206           | 3. Thủ tục xác nhận bản kê lâm sản (cấp huyện)   | Quyết định số 2543/QĐ-UBND ngày 06/8/2019 của UBND tỉnh Khánh Hòa                    | Quyết định số 1154/QĐ-BNN-TCTS ngày 05/4/2019 của Bộ trưởng Bộ   | Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 06/01/2020 của Chủ tịch                     |  |

|                |  |  |   |   |                                |
|----------------|--|--|---|---|--------------------------------|
|                |  |  |   | <p>NN&amp;PTNT về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thay thế, bãi bỏ lĩnh vực thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ NN&amp;PTNT</p> | <p>UBND tỉnh<br/>Khánh Hòa</p> |
| <b>XXXVIII</b> | <b>LĨNH VỰC THỦY LỢI</b>   |  |   |   |                                |
| 207            | <p>1. Thủ tục thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi do UBND cấp tỉnh phân cấp (UBND huyện phê duyệt)</p>                               | <p>Quyết định<br/>2990/QĐ-UBND<br/>ngày 05/10/2018<br/>của UBND tỉnh<br/>Khánh Hòa</p> | <p>Quyết định số<br/>2525/QĐ-BNN-<br/>TCTL ngày<br/>29/6/2018 của Bộ<br/>trưởng Bộ<br/>NN&amp;PTNT về việc<br/>công bố thủ tục hành<br/>chính mới ban hành,<br/>thủ tục hành chính<br/>được sửa đổi, bổ<br/>sung, thủ tục hành<br/>chính thay thế về lĩnh<br/>vực thủy lợi thuộc<br/>phạm vi chức năng<br/>quản lý của Bộ<br/>NN&amp;PTNT</p> |   |                                |
| 208            | <p>2. Thủ tục thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND huyện (trên địa bàn từ 02 xã trở lên)</p>                     | <p>Quyết định<br/>340/QĐ-UBND<br/>ngày 30/01/2019<br/>của UBND tỉnh<br/>Khánh Hòa</p>  | <p>Quyết định số<br/>4638/QĐ- BNN-<br/>TCTL ngày<br/>22/11/2018 của Bộ<br/>trưởng Bộ Nông<br/>nghiệp và Phát triển</p>  |   |                                |
| 209            | <p>3. Thủ tục thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND huyện (trên địa</p> |  |   |   |                                |



|              |  |   |   |  |
|--------------|--|---|---|--|
|              | bàn từ 02 xã trở lên)  |   |   |  |
| 210          | 4. Thủ tục thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND huyện  |   |   | nông thôn về việc công, bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn. |
| 211          | 5. Thủ tục thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND huyện thuộc thẩm quyền của UBND huyện |   |   |  |
| <b>XXXIX</b> | <b>LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP</b>  |   |   |  |
| 212          | 1. Thủ tục phê duyệt Kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp huyện)   | Quyết định 983/QĐ-UBND ngày 08/4/2019 của UBND tỉnh Khánh Hòa     | Quyết định số 2519/QĐ-BNN-KHCN ngày 29/6/2018 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý của BNN&PTNT |  |
| 213          | 2. Thủ tục đăng ký xã đạt chuẩn nông thôn mới  | Quyết định số 1544/QĐ-UBND ngày 15/6/2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa | Quyết định số 2540/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét,   |  |

|            |   |  |   |   |   |
|------------|---|--|---|---|---|
|            |   |  |   | công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020  |   |
| <b>XL</b>  | <b>LĨNH VỰC THỦY SẢN</b>  |  |   |   |   |
| 214        | 1. Thủ tục công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)                                      |  | Quyết định số 2543/QĐ-UBND ngày 06/8/2019 của UBND tỉnh Khánh Hòa | Quyết định số 1154/QĐ-BNN-TCTS ngày 05/4/2019 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thay thế, bãi bỏ lĩnh vực thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ NN&PTNT | Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 06/01/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa |
| 215        | 2. Thủ tục sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý) |  |   |   |   |
| <b>XLI</b> | <b>LĨNH VỰC LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC</b>   |  |   |   |   |
| 216        | 1. Thủ tục cấp giấy phép bán lẻ rượu  |  |   | Quyết định 688A/QĐ-BCT ngày 28/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Công thương v/v công bố TTHC sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Công  |   |
| 217        | 2. Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán lẻ rượu   |  |   |   |   |
| 218        | 3. Thủ tục cấp lại giấy phép bán lẻ rượu  |  |   |   |   |
| 219        | 7. Thủ tục cấp giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh  |  | Quyết định 1520/QĐ-UBND ngày 25/6/2020 của UBND tỉnh Khánh Hòa    |   |   |
| 220        | 8. Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh                                     |  |   |   |   |
| 221        | 9. Thủ tục cấp lại giấy phép sản xuất rượu thủ công   |  |   |   |   |

|              |   |   |  |  |  |
|--------------|---|---|--|--|--|
|              | nhằm mục đích kinh doanh  |   |  | thương.  |  |
| 222          | 10. Thủ tục cấp giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá                                |   |  |  |  |
| 223          | 11. Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá               |   |  |  |  |
| 224          | 12. Thủ tục cấp lại giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá                            |   |  |  |  |
| <b>XLII</b>  | <b>LĨNH VỰC KINH DOANH KHÍ</b>  |   |  |  |  |
| 225          | 1. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán LPG chai                 |   |  |  |  |
| 226          | 2. Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán LPG chai             |   |  |  |  |
| 227          | 3. Thủ tục cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán LPG chai      | Quyết định<br>3128/QĐ-UBND<br>ngày 19/10/2018<br>của UBND tỉnh<br>Khánh Hòa   | Quyết định số<br>2454/QĐ-BCT ngày<br>10/7/2018 của Bộ<br>trưởng Bộ Công<br>thương về việc công<br>bố thủ tục hành chính<br>mới ban hành/ bị bãi<br>bỏ trong lĩnh vực<br>kinh doanh khí thuộc<br>phạm vi chức năng<br>quản lý của Bộ Công<br>thương |  |  |
| <b>XLIII</b> | <b>LĨNH VỰC TIẾP CÔNG DÂN, XỬ LÝ ĐƠN, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, GIẢI QUYẾT TỐ CÁO</b> |   |  |  |  |
| 228          | 1. Thủ tục tiếp công dân tại cấp huyện  | Quyết định số<br>474/QĐ-UBND<br>ngày 09/02/2018<br>của UBND tỉnh<br>Khánh Hòa | Thông tư số<br>06/2014/TT-TTCTP<br>ngày 31/10/2014 của<br>Thanh tra Chính phủ<br>quy định quy trình  | Quyết định số<br>1629/QĐ-<br>UBND ngày<br>06/7/2020 của<br>CT UBND |  |



|             |   |   | tiếp công dân  | tỉnh |
|-------------|---|---|--|------|
| 229         | 2. Thủ tục xử lý đơn tại cấp huyện                    |   | Thông tư số 07/2014/TT-TTCTP ngày 31/10/2014 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh |      |
| 230         | 3. Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp huyện |   | Thông tư số 07/2013/TT-TTCTP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính                          |      |
| 231         | 4. Thủ tục giải quyết khiếu nại lần hai tại cấp huyện |   |  |      |
| 232         | 5. Thủ tục giải quyết tố cáo                          | Quyết định 3596/QĐ-UBND ngày 26/11/2019                           |  |      |
| <b>XLIV</b> | <b>LĨNH VỰC PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG</b>                |   |  |      |
| 233         | 1. Thủ tục thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập   |   | Thông tư số 08/2013/TT-TTCTP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ   |      |
| 234         | 2. Thủ tục công khai bản kê khai tài sản, thu nhập    | Quyết định số 474/QĐ-UBND ngày 09/02/2018 của UBND tỉnh Khánh Hòa | hướng dẫn thi hành các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập   |      |
| 235         | 3. Thủ tục xác minh tài sản, thu nhập                 |   |  |      |

|             |   |   |  |   |
|-------------|---|---|--|---|
| 236         | 4. Thủ tục tiếp nhận yêu cầu giải trình   |   | Thông tư số 02/2014/TT-TTCTP ngày 29/4/2014 của Thanh tra Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 90/2013/NĐ-CP ngày 08/8/2013 của Chính phủ |   |
| 237         | 5. Thủ tục thực hiện giải trình   |   |  |   |
| <b>XLV</b>  | <b>LĨNH VỰC THI ĐUA – KHEN THƯỞNG</b>   |   |  |   |
| 238         | 1. Thủ tục tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích thực hiện nhiệm vụ chính trị                          |   | Quyết định số 318/QĐ-BNV ngày 09/3/2018 của Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng   | Quyết định 393/QĐ-UBND ngày 20/02/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa |
| 239         | 2. Thủ tục tặng danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến  |   |  |   |
| 240         | 3. Thủ tục tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở  |   |  |   |
| 241         | 4. Thủ tục tặng danh hiệu Lao động tiên tiến  |   |  |   |
| 242         | 5. Thủ tục tặng giấy khen của Chủ tịch UBND huyện về thành tích thi đua theo đợt, chuyên đề                               | Quyết định số 2404/QĐ-UBND ngày 22/8/2018 của UBND tỉnh Khánh Hòa |  |   |
| 243         | 6. Thủ tục tặng giấy khen của Chủ tịch UBND huyện về thành tích đợt xuất  |   |  |   |
| 244         | 7. Thủ tục tặng giấy khen của Chủ tịch UBND huyện về khen thưởng đối ngoại  |   |  |   |
| 245         | 8. Thủ tục tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện cho gia đình  |   |  |   |
| <b>XLVI</b> | <b>LĨNH VỰC TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO</b>  |   |  |   |
| 246         | 1. Thủ tục thông báo mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo theo quy định tại khoản 2 điều 41 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo             | Quyết định số 931/QĐ-UBND ngày 06/4/2018 của UBND tỉnh Khánh Hòa  | Quyết định số 199/QĐ-BNV ngày 31/01/2018 của Bộ Nội vụ về việc công  | Quyết định 393/QĐ-UBND ngày 20/02/2020 của Chủ tịch                     |
| 247         | 2. Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện |   |  |   |

|               |   |   |   |   |
|---------------|---|---|---|---|
| 248           | 3. Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện   |   | bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nội vụ.                                      | UBND tỉnh Khánh Hòa   |
| 249           | 4. Thủ tục thông báo tổ chức Hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một huyện  |   |   |   |
| 250           | 5. Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một huyện   |   |   |   |
| 251           | 6. Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện   |   |   |   |
| 252           | 7. Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện   |   |   |   |
| 253           | 8. Thủ tục thông báo tổ chức quyên góp ngoài địa bàn một xã nhưng trong địa bàn một huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc. |   |   |   |
| <b>XLVII</b>  | <b>LĨNH VỰC TỔ CHỨC BỘ MÁY NHÀ NƯỚC</b>   |   |   |   |
| 254           | 1. Thủ tục thẩm định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập  | Quyết định 3586/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 của UBND tỉnh Khánh Hòa | Quyết định 580/QĐ-BNV ngày 15/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nội vụ | Quyết định 393/QĐ-UBND ngày 20/02/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa |
| 255           | 2. Thủ tục thẩm định tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập  |   |   |   |
| 256           | 3. Thủ tục thẩm định giải thể đơn vị sự nghiệp công lập   |   |   |   |
| <b>XLVIII</b> | <b>LĨNH VỰC TỔ CHỨC PHI CHÍNH PHỦ</b>   |   |   |   |

|     |  |  |   |   |
|-----|--|--|---|---|
| 257 | 1. Thủ tục công nhận Ban vận động thành lập hội  | <p style="text-align: center;">Quyết định<br/>3586/QĐ-UBND<br/>ngày 23/11/2018<br/>của UBND tỉnh<br/>Khánh Hòa</p> | <p>Quyết định 579/QĐ-<br/>BNV ngày 15/7/2015<br/>của Bộ trưởng Bộ<br/>Nội vụ về việc công<br/>bố thủ tục hành chính<br/>thuộc phạm vi chức<br/>năng quản lý của Bộ<br/>Nội vụ về lĩnh vực tổ<br/>chức phi chính phủ</p> | <p>Quyết định<br/>393/QĐ-<br/>UBND ngày<br/>20/02/2020<br/>của Chủ tịch<br/>UBND tỉnh<br/>Khánh Hòa</p> |
| 258 | 2. Thủ tục thành lập Hội   |  |   |   |
| 259 | 3. Thủ tục phê duyệt Điều lệ hội   |  |   |   |
| 260 | 4. Thủ tục chia, tách, sáp nhập, hợp nhất hội  |  |   |   |
| 261 | 5. Thủ tục đổi tên hội   |  |   |   |
| 262 | 6. Thủ tục hội tự giải thể   |  |   |   |
| 263 | 7. Thủ tục báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của Hội  |  |   |   |
| 264 | 8. Thủ tục cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ  |  |   |   |
| 265 | 9. Thủ tục công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên hội đồng quản lý quỹ                             |  |   |   |
| 266 | 10. Thủ tục công nhận thay đổi, bổ sung thành viên hội đồng quản lý quỹ  |  |   |   |
| 267 | 11. Thủ tục thay đổi giấy phép thành lập và công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung quỹ)                                     |  |   |   |
| 268 | 12. Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ   |  |   |   |
| 269 | 13. Thủ tục cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động   |  |   |   |
| 270 | 14. Thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ   |  |   |   |
| 271 | 15. Thủ tục đổi tên quỹ  |  |   |   |
| 272 | 16. Thủ tục quỹ tự giải thể  |  |   |   |
| 273 | 17. Thủ tục thẩm định hồ sơ người đang trực tiếp tham gia hoạt động chữ thập đỏ bị tai nạn dẫn đến thiệt hại về sức khỏe |  |   |   |
| 274 | 18. Thủ tục xem xét, chi trả chi phí cho người đang trực tiếp tham gia hoạt động chữ thập đỏ bị tai nạn dẫn đến          |  |   |   |

|  |                       |  |  |  |  |
|--|-----------------------|--|--|--|--|
|  | thiệt hại về sức khỏe |  |  |  |  |
|--|-----------------------|--|--|--|--|